

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST.

Ngày: 17-3-2021

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Phúc và bà Lê Thị Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Mai Uyên T, sinh năm 1972. Địa chỉ: đường H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Trần Phúc A, bà Trần Thị Thanh N. Địa chỉ: thôn K’L, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 11 năm 2020 và các tài liệu chứng cứ, của nguyên đơn bà Trần Mai Uyên T trình bày:

Ngày 15-3-2018 bà T có cho bà Trần Thị Thanh N vay số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay có viết giấy tay, bà N có ký tên và ghi tên “N” xác nhận có vay tiền, trong giấy viết tay không ghi thời hạn trả và mức lãi suất.

Ngày 06-7-2018 bà T có cho bà Trần Thị Thanh N vay số tiền 50.000.000 đồng. Khi vay có viết giấy tay, bà N có ký tên và ghi tên “N” xác nhận có vay tiền,

trong giấy viết tay không ghi mức lãi suất, có ghi thời hạn trả 15 ngày trả cả gốc và lãi.

Ngày 13-8-2018 bà T có cho bà Trần Thị Thanh N vay số tiền 100.000.000 đồng. Khi vay viết giấy tay, bà N có ký tên và ghi họ tên “Trần Thị Thanh N” xác nhận có vay tiền, trong giấy viết tay không ghi thời hạn trả và mức lãi suất.

Ngày 06-9-2018 bà T có cho bà Trần Thị Thanh N vay số tiền 100.000.000 đồng. Khi vay có viết giấy tay, bà N có ký tên và ghi họ tên “Trần Thị Thanh N” xác nhận có vay tiền, trong giấy viết tay không ghi thời hạn trả và mức lãi suất.

Bà T đã cho bà Trần Thị Thanh N vay tổng cộng 450.000.000 đồng, bà N đã trả được 36.000.000 đồng, bà T trừ số tiền đã trả vào tiền gốc.

Nay yêu cầu vợ chồng ông Trần Phúc A, bà Trần Thị Thanh N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Mai Uyên T số tiền vay gốc còn nợ là 414.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Giấy viết tay ngày 15-3-2018; Giấy viết tay ngày 06-7-2018; Giấy viết tay ngày 13-8-2018; Giấy viết tay ngày 06-9-2018.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn vợ chồng ông Trần Phúc A, bà Trần Thị Thanh N đều đã được triệu tập hợp lệ, đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án, nhưng ông An, bà N đều vắng mặt không có lý do chính đáng, điều này cho thấy bị đơn tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh tại khoản 4 của Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Trần Phúc A, bà Trần Thị Thanh N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Mai Uyên T số tiền vay 414.000.000 đồng và chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vợ chồng ông Trần Phúc A, bà Trần Thị Thanh N đều vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố. Bà Trần Mai Uyên T có đơn khởi kiện đối với vợ chồng ông An, bà N. Vợ chồng ông Trần Phúc A, bà Trần Thị Thanh N hiện đang cư trú tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227

và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh và vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông An.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Trần Mai Uyên T cho rằng vợ chồng ông An, bà N vay bà T số tiền 450.000.000 đồng, nhưng ông An, bà N chỉ trả được 36.000.000 đồng, nên khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ còn nợ là 414.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà T yêu cầu vợ chồng ông Trần Phúc A, bà Trần Thị Thanh N cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ là 414.000.000 đồng.

Trong các lần vay tiền của bà T thì bà N viết giấy vay, ký tên và ghi họ tên “Nga” và “Trần Thị Thanh N” xác nhận vay tiền của bà T. Số tiền bà N trả cho bà T thì bà T trừ vào số tiền vay gốc và không yêu cầu bà N phải trả tiền lãi cho bà T.

Bà Trần Thị Thanh N và ông Trần Phúc A có quan hệ hôn nhân hợp pháp, theo Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện, nên ông Trần Phúc A xác định là bị đơn trong vụ án.

Từ những phân tích nêu trên bà Trần Mai Uyên T khởi kiện vợ chồng ông Trần Phúc A, bà Trần Thị Thanh N là có cơ sở, cần áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc vợ chồng ông Trần Phúc A, bà Trần Thị Thanh N cùng có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho bà Trần Mai Uyên T số tiền vay còn nợ 414.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi là có căn cứ.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn vợ chồng ông Trần Phúc A, bà Trần Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Mai Uyên T. Buộc vợ chồng ông Trần Phúc A, bà Trần Thị Thanh N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Mai Uyên T số tiền vay 414.000.000 đồng (*Bốn trăm mười bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Buộc vợ chồng ông Trần Phúc A, bà Trần Thị Thanh N chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.700.000 đồng (*Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả bà Trần Mai Uyên T số tiền tạm ứng án phí 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0001670 ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Di Linh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục thi hành án huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Thị Mỹ Lệ